

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2025

"V/v Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Xuân Hoài

Bà Đỗ Thị Xanh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Nhật Lệ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **16/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025**, về việc: "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** bà Bùi Thị H, sinh năm 1973; nơi thường trú: thôn B, xã T, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

2. **Bị đơn:** ông Kim Seong Y, sinh năm 1958; địa chỉ: B, M, 176beon-gil, Y-ro, N-gu, I, Hàn Quốc. Vắng mặt (đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày: năm 2010, bà Bùi Thị H có quen biết ông Kim Seong Y, quốc tịch Hàn Quốc. Sau một thời gian tìm hiểu, năm 2011 bà H và ông Kim Seong Y đã đăng ký kết hôn với nhau tại Đại sứ quán H1 tại Việt Nam và ghi chú việc kết hôn vào sổ hộ tịch của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh số 253 ngày 04/04/2011 theo Bản sao Trích lục ghi chú kết hôn số: 44/TLGCKH-BS do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/12/2024. Sau một thời gian chung sống bà H và ông Kim Seong Y không hợp nhau nên đã ly thân, không còn tình cảm gì với nhau nữa. Mặc dù bà H và ông Kim Seong Y đã nhiều lần cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đều không thành, bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho bà H được ly hôn ông Kim Seong Y.

- Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai của bị đơn ông Kim Seong Y (đã được hợp pháp hóa lãnh sự tại Đ tại Hàn Quốc ngày 25/02/2025) thể hiện nội dung: năm 2011, ông Kim

Seong Y và bà Bùi Thị H đăng ký kết hôn với nhau tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, đã đăng ký ghi chú việc kết hôn vào sổ hộ tịch của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh số 253 ngày 04/04/2011, theo Bản sao Trích lục ghi chú kết hôn số: 44/TLGCKH-BS do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/12/2024.

Ông Kim Seong Y và bà Bùi Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Sau một thời gian chung sống, ông Kim Seong Y và bà Bùi Thị H bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng ngôn ngữ và cảm thấy không thể chung sống được. Hiện nay ông Kim Seong Y và bà Bùi Thị H đã sống ly thân với nhau từ lâu, bà H ở Việt Nam sinh sống và làm việc. Đến nay ông Kim Seong Y được biết bà H muốn ly hôn đơn phương với ông Kim Seong Y. Ông Kim Seong Y đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị H, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chấp nhận. Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có, ông Kim Seong Y không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nay ông Kim Seong Y đang sinh sống ổn định tại Hàn Quốc và không có mặt ở Việt Nam nên ông Kim Seong Y đề nghị Tòa án không hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt ông Kim Seong Y tại các buổi làm việc, các phiên họp, phiên hoà giải và các phiên tòa xét xử. Đồng thời, ông Kim Seong Y ủy quyền cho chị Ngô Diệu T, sinh ngày 17/6/1987; địa chỉ: tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; căn cước công dân: 027187005398 do Cục cảnh sát cấp ngày: 20/4/2023 là người thay mặt ông Kim Seong Y giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H và tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “*Ly hôn*”, bị đơn ông Kim Seong Y, sinh năm 1958; quốc tịch: Hàn Quốc; hiện đang sinh sống tại địa chỉ: B, M, 176beon-gil, Y-ro, N-gu, I, Hàn Quốc. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Nguyên đơn bà Bùi Thị H và bị đơn ông Kim Seong Y đều vắng mặt tại phiên tòa, đã có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự và công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị H và ông Kim Seong Y tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam, đã ghi chú việc kết hôn vào sổ hộ tịch của Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh số 253 ngày 04/4/2011, theo Bản sao Trích lục ghi chú kết hôn số: 44/TLGCKH-BS do Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 24/12/2024, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau một thời gian chung sống, theo bà Bùi Thị H và ông Kim Seong Y trình bày là do hai người không hợp nhau, bất đồng ngôn ngữ và cảm thấy không thể chung sống được nên đã ly thân. Bà Bùi Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giải quyết cho bà được ly hôn ông Kim Seong Y, ông Kim Seong Y đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị H. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy bà Bùi Thị H và ông Kim Seong Y không tồn tại đời sống chung của vợ chồng, không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau cả về vật chất và tinh thần,...theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị H đối với ông Kim Seong Y.

[2.2] Về con chung: không có, bà Bùi Thị H và ông Kim Seong Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có, bà Bùi Thị H và ông Kim Seong Y đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56 và khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Kim Seong Y.

[2] Về con chung: không có.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có.

[4] Về án phí: bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005991 ngày 06/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho: bà Bùi Thị H biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; ông Kim Seong Y biết có quyền

kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thúy Hằng

